

Thứ sáu, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tâm lý yếu dần, VNIndex chưa vượt qua vùng cản 860 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường			
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/8/2020		•	
Tuần 17/8-21/8/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tăng nhẹ ở phiên sáng và giảm dần từ đầu phiên chiều sau đó đóng cửa tại mức 850.74 điểm. Dòng tiền đầu tư cho thấy trạng thái tiêu cực khi 14/19 các nhóm ngành giảm điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã tiếp tục bán ròng mạnh trên cả hai sàn HSX và sàn HNX. Thanh khoản thị trường không thay đổi nhiều so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý giao dịch lạc quan ở các phiên trước đang yếu dần. Theo đánh giá của chúng tôi, việc các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng khi chỉ số kiểm tra vùng cản 860 là một động thái cần lưu tâm và nhiều khả năng VNIndex sẽ chưa thể bứt phá cao hơn trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu ngành Dược_1.3%

Phân tích kỹ thuật: DVN_Vượt mức đỉnh cũ (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.31** điểm, đóng cửa **850.74**. HNX-Index **-0.64** điểm, đóng cửa **116.23**.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+0.37); VHM (+0.29); VNM (+0.15); MBB (+0.14); MWG (+0.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.05); BID (-0.74); VIC (-0.58); HPG (-0.37); MSN (-0.33)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,738** tỷ đồng, **+21.08%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.94 điểm. Thị trường có **145** mã tăng, **63** mã tham chiếu và **239** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-207.65** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-34.8 tỷ), VCB (-29.1 tỷ) và VNM (-28.1 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-29.93** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	850.74
Giá trị: 4738.53 tỷ	-4.31 (-0.5%)
Khối ngoại (ròng): -207.65 tỷ	

HNX-INDEX	116.23
Giá trị: 392.01 tỷ	-0.64 (-0.55%)
Khối ngoại (ròng): -29.93 tỷ	

UPCOM-INDEX	56.74
Giá trị: 0.31 tỷ	-0.12 (-0.21%)
Khối ngoại (ròng): -9 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	41.8	-1.04%
Giá vàng	1,950	-0.19%
Tỷ giá USD/VND	23,176	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	27,407	-0.02%
Tỷ giá JPY/VND	21,724	0.23%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	16.19%
LS TPCP 5 năm	1.7%	-0.68%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GAS	31.1	MSN	-34.8
SAB	21.4	VCB	-29.1
HDB	11.7	VNM	-28.1
PLX	4.9	HPG	-24.0
E1VFN30	4.8	VIC	-20.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Câu chuyện cuối tuần	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	0.9%	7.6%	7.6%	9.5%	9.5%	10.3%	35.7%
Xây dựng	0.8%	8.8%	8.8%	6.2%	6.2%	-1.8%	34.0%
Vật liệu Xây dựng	0.7%	8.4%	8.4%	5.4%	5.4%	2.9%	31.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	5.3%	5.3%	3.3%	3.3%	-10.6%	28.3%
Nước & Năng lượng	0.3%	5.1%	5.1%	5.8%	5.8%	-4.8%	29.2%
Corona Avengers	0.2%	8.5%	8.5%	2.3%	2.3%	-1.4%	40.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	6.4%	6.4%	3.9%	3.9%	-7.7%	30.8%
Đầu tư công	0.2%	9.3%	9.3%	6.1%	6.1%	0.1%	35.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.2%	6.6%	6.6%	5.4%	5.4%	-6.8%	27.7%
FTSE Việt Nam	0.2%	4.8%	4.8%	3.0%	3.0%	-8.1%	28.4%
Stay-at-home	0.2%	5.6%	5.6%	1.5%	1.5%	6.2%	38.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	6.3%	6.3%	5.0%	5.0%	-7.9%	31.8%
Chiến tranh thương mại	0.0%	7.2%	7.2%	3.1%	3.1%	-10.8%	34.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	5.8%	5.8%	1.9%	1.9%	-13.8%	33.4%
Ngân Hàng	0.0%	6.0%	6.0%	3.0%	3.0%	-5.9%	37.5%
VN Diamond	-0.1%	4.1%	4.1%	-0.6%	-0.6%	-18.2%	34.5%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	6.5%	6.5%	1.6%	1.6%	-6.8%	32.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.1%	7.0%	7.0%	2.1%	2.1%	-18.0%	36.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.1%	3.9%	3.9%	-0.6%	-0.6%	-11.5%	35.2%
VN FinSelect	-0.1%	3.7%	3.7%	-1.0%	-1.0%	-11.7%	33.3%
Lãi suất giảm	-0.3%	9.0%	9.0%	5.0%	5.0%	1.8%	35.9%
Dầu khí	-0.4%	8.5%	8.5%	-1.7%	-1.7%	-24.9%	43.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.4%	-0.2%	-0.2%	6.6%	6.6%	-2.3%	24.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.5%	4.7%	4.7%	-0.3%	-0.3%	-6.4%	33.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.6%	3.3%	3.3%	0.0%	0.0%	2.2%	23.8%
Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.3%	7.2%	7.2%	2.6%	2.6%	-17.2%	34.8%
M31	0.2%	6.8%	6.8%	3.0%	3.0%	-10.6%	34.6%
S11	0.0%	7.0%	7.0%	5.0%	5.0%	4.3%	29.4%
L11	-0.2%	6.5%	6.5%	2.7%	2.7%	-8.9%	27.9%
L22	-0.2%	7.3%	7.3%	2.4%	2.4%	-13.1%	31.5%
M12	-0.2%	6.7%	6.7%	2.0%	2.0%	-9.1%	28.9%
S21	-0.3%	8.0%	8.0%	4.0%	4.0%	-10.1%	31.4%
M22	-0.3%	6.4%	6.4%	3.1%	3.1%	-2.4%	29.3%
S32	-0.7%	5.6%	5.6%	-0.2%	-0.2%	-19.2%	37.8%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.4%	6.5%	6.5%	5.4%	5.4%	1.7%	29.0%
LOW1	0.0%	6.5%	6.5%	1.0%	1.0%	-9.4%	29.2%
HIGH3	-0.2%	5.3%	5.3%	0.8%	0.8%	-12.5%	32.1%
INDEX							
VNINDEX	0.2%	5.4%	5.4%	2.0%	2.0%	-12.4%	27.7%
VN30INDEX	0.1%	5.6%	5.6%	1.5%	1.5%	-11.0%	29.0%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	11	14	16	9	16	9
Mục tiêu	9	1	8	9	0	9	0
Rủi ro	3	1	2	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 14/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	42.32	0.19%	2.70%	2.20%	-17.86%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.05	0.20%	1.50%	2.50%	-20.25%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	124.87	1.13%	3.40%	0.50%	-20.55%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1945.93	-0.40%	-4.40%	7.50%	26.44%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	27.16	-1.27%	-4.00%	39.90%	47.94%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	896.75	-0.31%	3.40%	1.60%	-3.47%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	504.25	-0.44%	0.10%	-8.90%	-1.47%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.80	0.10%	2.30%	-11.40%	15.65%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	163.83	1.04%	0.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.11	2.10%	1.30%	15.80%	-0.08%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	118.10	3.37%	-0.70%	17.50%	6.30%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6256.00	-2.74%	-3.40%	-3.70%	8.78%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	545.71	0.08%	-1.10%	2.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1763.50	-1.32%	-0.80%	4.40%	-1.04%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	120.53	1.59%	2.70%	13.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.15	0.73%	-2.70%	-8.20%	-26.86%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent giảm 47 US cent tương đương 1% xuống 44.96 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) giảm 43 US cent tương đương 1% xuống 42.24 USD/thùng.
- Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cắt giảm dự báo nhu cầu dầu năm 2020 và cho biết du lịch hàng không giảm do đại dịch sẽ khiến tiêu thụ dầu toàn cầu năm nay giảm 8.1 triệu thùng/ngày (bpd).

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1.9% lên 1,954.37 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 1.1% lên 1,970.4 USD/ounce.
- Số người thất nghiệp tại Mỹ trong tuần trước giảm xuống dưới 1 triệu lao động – lần đầu tiên – kể từ khi đại dịch, song có ít nhất 28 triệu người vẫn nhận được tiền lương thất nghiệp, cho thấy thị trường lao động suy yếu.
- Đồng USD giảm 0.2% so với các đồng tiền chủ chốt khác, xuống mức thấp nhất trong gần 1 tuần đã thúc đẩy nhu cầu mua vàng, khi Washington tiếp tục bế tắc về gói kích thích bổ sung

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.9% lên 927 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 giảm 0.1% xuống 3,791 CNY/tấn, thép cuộn cán nóng tăng 0.8% lên 3,916 CNY/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) tăng 2.3 JPY tương đương 1.3% lên 173.3 JPY (1.62 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 30 CNY xuống 12,275 CNY (1,768 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Osaka tăng do chỉ số Nikkei của Nhật Bản và chỉ số S&P 500 của chứng khoán phổ Wall tăng, thúc đẩy kỳ vọng nền kinh tế toàn cầu hồi phục. Ivory Coast xuất khẩu 475,077 tấn cao su tự nhiên trong 6 tháng đầu năm 2020, tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 trên sàn ICE tăng 0,27 US cent tương đương 2.1% lên 13.11 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 10 trên sàn London tăng 5.3 USD tương đương 1.4% lên 380.5 USD/tấn. Giá đường được hỗ trợ bởi triển vọng sản lượng tại Thái Lan và Nga niên vụ 2020/21 giảm và nhu cầu từ Pakistan và Trung Quốc tăng.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 3.85 US cent tương đương 3.4% lên 1.181 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn London tăng 40 USD tương đương 3% lên 1,380 USD/tấn.
- Đối với loại 5% tấm, giá gạo Việt Nam tăng lên 480-490 USD/tấn so với 470 USD/tấn tuần trước đó. Tại Ấn Độ, gạo 5% tấm tăng lên 382-387 USD/tấn, so với 380-385 USD/tấn cách đây 1 tuần. Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm tăng lên 465-500 USD/tấn, so với 463-485 USD/tấn tuần trước đó, do đồng baht Thái Lan tăng mạnh.

	14/8	% 14/8	13/8	% 13/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	850.74	-0.50%	855.05	0.96%	1.10%	-2.20%
S&P 500			3373.43	-0.20%	0.72%	5.50%
HĐTL S&P500	3351.25	-0.49%	3367.75	-0.07%	0.19%	4.09%
Shang- hai	3360.10	1.19%	3320.73	0.04%	0.18%	-0.04%
Euro Stoxx	3276.59	-1.98%	3342.85	-0.60%	0.74%	-3.01%

Phân tích kỹ thuật

DVN_Vượt mức đỉnh cũ

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần và đã tiến vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 nằm trên EMA26.

Nhận định: DVN đang ở trong trạng thái tăng và hôm nay đã chốt phiên tại mức 12.3, qua đó vượt mức đỉnh cũ của tháng 7 ở vùng giá 12. Thanh khoản của cổ phiếu có xu hướng tăng trong các phiên gần đây và đã tăng đột biến trong phiên hôm nay khi đã vượt lên trên giá trị trung bình 20 phiên. Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo MACD nằm trên đường tín hiệu, tuy vậy chỉ báo động lượng RSI đã tiến vào vùng quá mua, vì vậy rất có thể sẽ có sự điều chỉnh trong các phiên sắp tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DVN nằm ở khu vực 11.8-12. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 13.9, chốt lỗ nếu ngưỡng 11.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

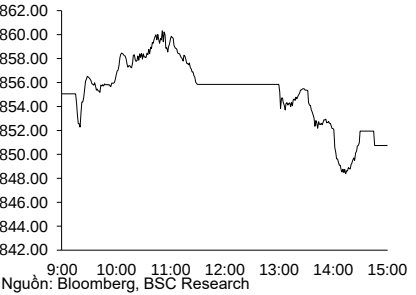
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-1.76%
Tài nguyên Cơ bản	-1.32%
Du lịch và Giải trí	-1.23%
Dịch vụ tài chính	-1.06%
Ngân hàng	-0.94%
Ô tô và phụ tùng	-0.87%
Y tế	-0.82%
Hóa chất	-0.54%
Công nghệ Thông tin	-0.44%
Dầu khí	-0.38%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.34%
Bất động sản	-0.27%
Truyền thông	-0.10%
Thực phẩm và đồ uống	-0.06%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.09%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.20%
Bán lẻ	0.89%
Xây dựng và Vật liệu	0.95%
Viễn thông	5.76%

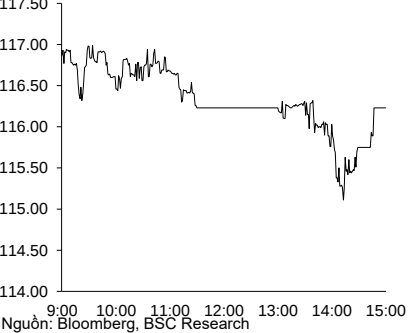
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

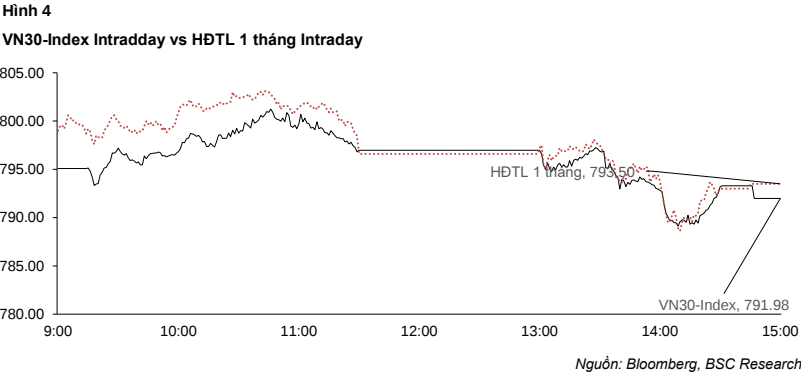
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	46.6	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	72.3	2	1.54%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	25.4	30	24.5	25.3	3	-0.39%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43	4	-3.15%	Có thể tiếp tục mua
8/7/2020	C32	24.15	26	22.9	24.5	7	1.45%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	8.3	8	0.24%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	24.6	10	6.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	78.5	11	11.98%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	30.65	15	-0.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	14.2	16	20.34%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.2	44	-4.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/26/2020	DGC	33.98	36.03	28.32	32.6	49	-4.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32.5	51	5.90%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.1	57	9.90%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	79.7	59	6.41%	Có thể tiếp tục mua
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	36.8	70	-1.08%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	6	6.45%	-2.36%	3.14%	25
Cổ phiếu đã chốt	12	22	11.93%	-8.34%	-1.18%	13

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	793.50	-0.60%	1.52	30.5%	188,374	8/20/2020	6
VN30F2009	791.00	-0.29%	-0.98	120.8%	1,925	9/17/2020	34
VN30F2012	781.90	-0.34%	-10.08	59.1%	70	12/17/2020	125
VN30F2103	785.00	-0.24%	-6.98	3386.4%	767	3/18/2021	216

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 3.11 điểm xuống mức 791.98 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, MSN, VCB, NVL ảnh hưởng mạnh nhất đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 tăng điểm trong nửa đầu phiên giao dịch, nhưng đã chịu áp lực điều chỉnh mạnh và giảm điểm về cuối phiên. Dù vậy, VN30 chưa mất đi xu hướng tăng trong ngắn hạn, và có thể kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 800 điểm trong những phiên tới.
- Tất cả các HDTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, tất cả các hợp đồng đều tăng khá mạnh. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng đều tăng so với phiên trước đó. Điều này báo hiệu rằng các hợp đồng sẽ có nhiều biến động với biên độ lớn trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2008	10/29/2020	76	10:1	450,460	41.24%	1,300	740	13.85%	575	1.29	98,000	85,000	83,100
CVHM2002	11/30/2020	108	1:1	69,510	38.71%	11,500	10,720	10.97%	8,584	1.25	88,500	77,000	79,700
CSTB2002	12/16/2020	124	1:1	291,570	43.31%	1,700	1,200	10.09%	695	1.73	13,588	11,888	10,700
CHDB2006	10/8/2020	55	2:1	567,890	41.35%	2,180	2,030	5.18%	1,739	1.17	29,060	24,700	27,400
CVNM2004	11/30/2020	108	1:1	25,500	33.63%	17,500	12,440	5.16%	8,667	1.44	133,973	116,473	116,700
CMWG2009	10/23/2020	70	8:1	666,190	41.24%	1,600	960	3.23%	860	1.12	94,800	82,000	83,100
CVNM2002	12/16/2020	124	5:1	341,450	33.63%	3,200	900	1.12%	512	1.76	155,285	139,285	116,700
CVNM2003	9/4/2020	21	10:1	117,850	33.63%	1,450	2,400	0.00%	2,297	1.05	107,280	92,780	116,700
CCTD2001	12/16/2020	124	10:1	180,290	57.57%	1,540	1,550	0.00%	999	1.55	96,288	80,888	78,500
CFPT2003	11/9/2020	87	1:1	97,290	33.13%	7,300	8,660	-1.70%	2,383	3.63	57,300	50,000	47,800
CHPG2015	3/1/2021	199	1:1	66,510	38.63%	6,700	6,410	-1.99%	2,051	3.12	33,200	26,500	24,100
CHPG2011	10/20/2020	67	2:1	495,430	38.63%	2,350	2,820	-2.08%	608	4.64	29,900	25,200	24,100
CHPG2005	10/1/2020	48	1:1	36,430	38.63%	2,100	10,250	-2.84%	5,268	1.95	21,100	19,000	24,100
CHPG2010	4/5/2021	234	4:1	334,870	38.63%	1,800	1,260	-3.08%	204	6.18	40,300	33,100	24,100
CREE2004	10/23/2020	70	3:1	394,530	28.81%	1,570	2,170	-3.56%	2,063	1.05	34,210	29,500	35,300
CREE2003	10/29/2020	76	5:1	257,580	28.81%	1,000	1,240	-3.88%	1,157	1.07	35,000	30,000	35,300
CSTB2004	11/30/2020	108	1:1	418,630	43.31%	1,400	1,010	-4.72%	939	1.08	12,400	11,000	10,700
CHPG2009	10/29/2020	76	3:1	238,420	38.63%	1,600	3,770	-5.04%	1,349	2.79	25,700	22,500	24,100
CHPG2002	12/16/2020	124	2:1	169,280	38.63%	1,700	1,880	-5.53%	300	6.27	33,399	29,999	24,100
CHPG2008	11/30/2020	108	1:1	149,460	38.63%	4,100	3,850	-7.23%	844	4.56	32,100	28,000	24,100
Tổng				5,219,680	38.43%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.
- Về giá, CMWG2010 và CMWG2007 tăng mạnh lần lượt là 28.45% và 11.34%. Trái lại, CMSN2006 và CVPB2006 giảm mạnh lần lượt là -8.57% và -7.80%. Giá trị giao dịch tăng 26.58%. CHPG2011 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.05% thị trường.
- CTCB2004, CVPB2006, CVPB2005, CVRE2005, và CREE2004 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVHM2002, và CVNM2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Đàn voi và những sợi dây thừng

Nguồn: Sưu tâm

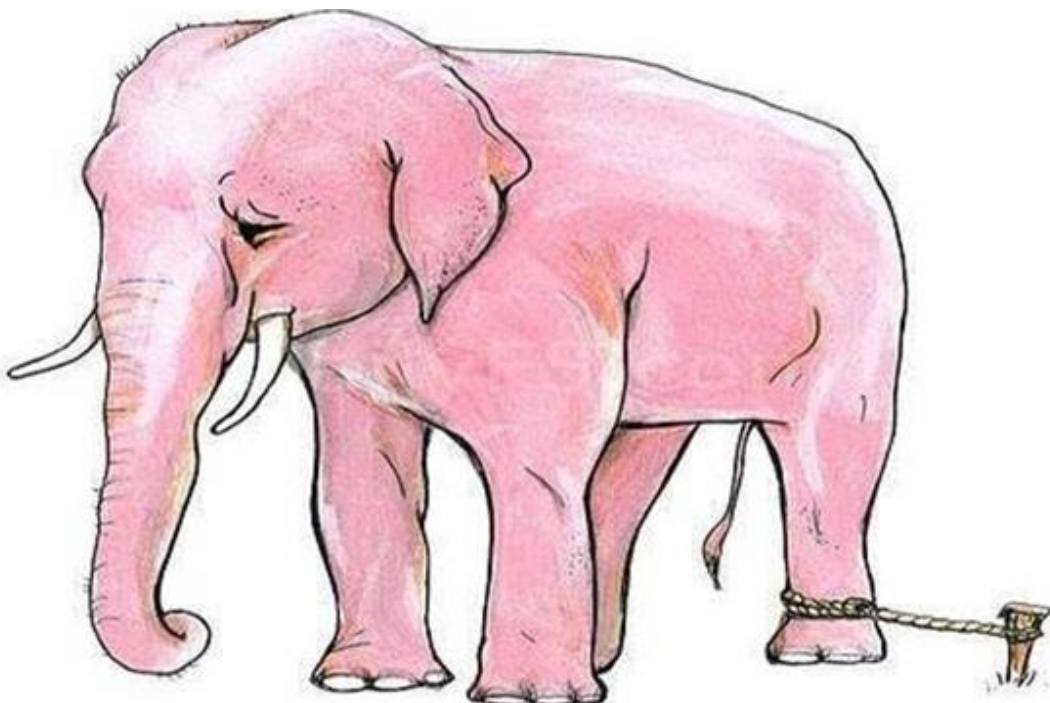
Một người đàn ông trông thấy những con voi to lớn đang bị buộc bởi những sợi dây thừng nhỏ, chúng có đủ khả năng để đứt đứt dây, chạy đi bất cứ lúc nào. Nhưng không hiểu vì sao, lũ voi không làm vậy.

Người đàn ông trông thấy người quản tượng đứng gần đó. Ông hỏi anh ta tại sao lũ voi cứ đứng yên vậy mà không hề có vẻ muốn tháo chạy. Người quản tượng đáp:

- Khi chúng còn nhỏ, chúng bé hơn thế này rất nhiều, chúng tôi vẫn dùng loại dây thừng cỡ đó để buộc chúng lại. Ở độ tuổi đó, dây như vậy là đủ giữ chúng rồi. Nhưng khi đã lớn hơn, chúng vẫn tin mình không thể đứt nổi những sợi dây thừng này. Chúng cho rằng, sợi dây thừng ngày xưa vẫn có thể giữ chúng được, thế là chẳng bao giờ chúng có ý nghĩ đứt bỏ dây và chạy đi.

Người đàn ông vô cùng kinh ngạc. Những con voi đó hoàn toàn có khả năng chạy thoát khỏi sợi dây ràng buộc chúng, nhưng chỉ vì không tin mình có thể, nên chúng vẫn cứ chấp nhận một thực tiễn như đang có.

Bài học: Thất bại chỉ là một phần trong quá trình học hỏi. Đừng bao giờ đầu hàng trước những khó khăn của cuộc sống.



Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.1	1.1%	1.2	1,636	3.6	8,348	10.0	2.6	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	56.5	0.9%	1.3	553	1.4	4,629	12.2	2.7	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	45.9	-2.3%	1.4	1,480	1.2	1,640	28.0	1.7	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	30.2	-1.9%	0.4	293	0.0	2,651	11.4	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	87.4	-0.7%	0.8	12,853	2.5	2,255	38.8	3.7	13.8%	9.3%
VRE	Bất động sản	26.9	0.0%	1.1	2,653	3.6	1,057	25.4	2.2	30.8%	8.9%
VHM	Bất động sản	79.7	0.4%	1.3	11,399	4.1	6,784	11.7	3.8	20.1%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.7	1.9%	1.3	218	3.4	1,672	5.8	0.7	38.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.6	-1.7%	1.3	381	2.7	1,718	8.5	0.9	49.0%	10.7%
VCI	Chứng khoán	22.1	-1.6%	1.0	157	0.5	4,110	5.4	0.9	28.9%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.9	-1.6%	1.7	237	1.9	1,608	11.1	1.3	50.8%	11.5%
FPT	Công nghệ	47.8	-0.3%	0.8	1,629	3.4	4,280	11.2	2.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	47.4	-0.2%	0.4	564	0.0	4,812	9.9	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.3	-0.4%	1.4	6,016	2.7	5,138	14.1	2.6	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	46.6	0.0%	1.5	2,443	1.0	441	105.7	2.9	14.7%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.1	-1.6%	1.5	251	1.8	1,301	9.3	0.5	11.7%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.3	-3.1%	0.8	849	0.5	898	7.0	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	96.0	-0.8%	0.5	546	0.0	5,044	19.0	3.9	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.0	-2.4%	0.4	238	1.6	1,586	8.8	0.7	10.8%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.6	-1.0%	0.5	198	0.7	709	12.2	0.7	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	82.0	-1.2%	1.1	13,223	2.9	4,915	16.7	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	39.0	-1.6%	1.3	6,820	1.7	2,153	18.1	2.0	17.7%	12.5%
CTG	Ngân hàng	23.5	-1.1%	1.2	3,804	5.4	2,995	7.8	1.1	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	21.4	-1.6%	1.2	2,268	3.3	4,126	5.2	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.2	1.2%	1.0	1,798	4.2	3,497	4.9	0.9	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	25.3	-0.8%	1.0	1,829	7.3	3,750	6.7	1.4	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	51.7	-0.4%	0.9	184	0.2	5,760	9.0	1.7	82.5%	18.9%
NTP	Nhựa	29.0	-0.3%	0.4	149	0.0	3,348	8.7	1.3	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	-0.7%	0.3	641	0.0	356	41.9	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.1	-1.6%	1.2	3,472	16.2	2,632	9.2	1.5	35.7%	18.1%
HSG	Thép	11.2	-1.8%	1.6	216	4.3	1,767	6.3	0.8	10.1%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	116.7	0.3%	0.8	8,836	8.3	5,538	21.1	6.7	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	185.0	1.1%	0.8	5,158	2.0	6,328	29.2	6.4	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	53.4	-1.8%	1.0	2,714	4.2	3,255	16.4	2.7	38.7%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	13.9	-1.1%	0.8	355	1.7	561	24.8	1.1	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	54.6	-0.7%	0.8	5,168	0.4	3,450	15.8	3.2	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	100.6	-1.0%	1.1	2,291	1.6	3,465	29.0	3.5	17.9%	12.4%
HVN	Vận tải	24.6	-1.6%	1.7	1,517	0.6	(3,853)	N/A	3.1	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	20.7	-1.4%	0.9	267	0.5	1,377	15.0	1.0	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	10.6	-2.3%	1.1	130	0.9	2,007	5.3	0.7	22.0%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.0	0.2%	1.1	412	0.3	8,219	7.4	2.9	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.1	-2.3%	0.8	411	0.5	1,362	15.5	1.4	10.1%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.1	2.2%	1.0	234	0.9	1,937	7.3	1.0	6.3%	13.5%
CTD	Xây dựng	78.5	-0.3%	1.1	260	2.9	8,467	9.3	0.7	46.8%	7.9%
CII	Xây dựng	17.4	-1.7%	0.3	180	0.7	1,615	10.7	0.8	36.3%	8.0%
REE	Điện	35.3	0.0%	-1.4	476	1.1	4,780	7.4	1.0	49.0%	14.8%
PC1	Điện	18.8	-0.8%	-0.4	130	0.4	2,178	8.6	0.8	16.6%	9.9%
POW	Điện	10.0	0.5%	0.6	1,017	2.5	925	10.8	0.8	11.3%	8.0%
NT2	Điện	21.7	-1.1%	0.6	272	0.1	2,685	8.1	1.4	18.5%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.4	-2.2%	0.9	274	1.3	1,242	10.8	0.7	21.1%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	29.2	-2.0%	0.9	1,314	0.1	2,332	12.5	2.1	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	185.00	1.09	0.37	242070
VHM	79.70	0.38	0.29	1.19MLN
VNM	116.70	0.26	0.15	1.62MLN
MBB	17.15	1.18	0.14	5.68MLN
MWG	83.10	1.09	0.12	992180

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.06	820270	1.11MLN
BID	0.00	-0.75	985710	607060
VIC	0.00	-0.58	654070.00	373600
MSN	0.00	-0.33	1.80MLN	192700
HPG	0.00	-0.32	15.36MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	8.56	7.00	0.00	10.00
VAF	10.70	7.00	0.01	20
VIS	15.35	6.97	0.02	2180
BCE	8.61	6.96	0.01	306950
VPS	21.55	6.95	0.01	25420

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	79.80	-6.88	-0.08	410
DTL	11.10	-6.72	-0.01	120
C47	8.82	-6.67	0.00	98940.00
SJF	1.85	-6.57	0.00	2.86MLN
PME	64.00	-6.30	-0.09	12280

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCG	29.00	9.85	0.18	1.32MLN
DST	7.40	8.82	0.02	1.52MLN
DNP	18.50	1.65	0.02	200
API	11.10	9.90	0.01	18600.00
SHN	9.10	1.11	0.01	5000

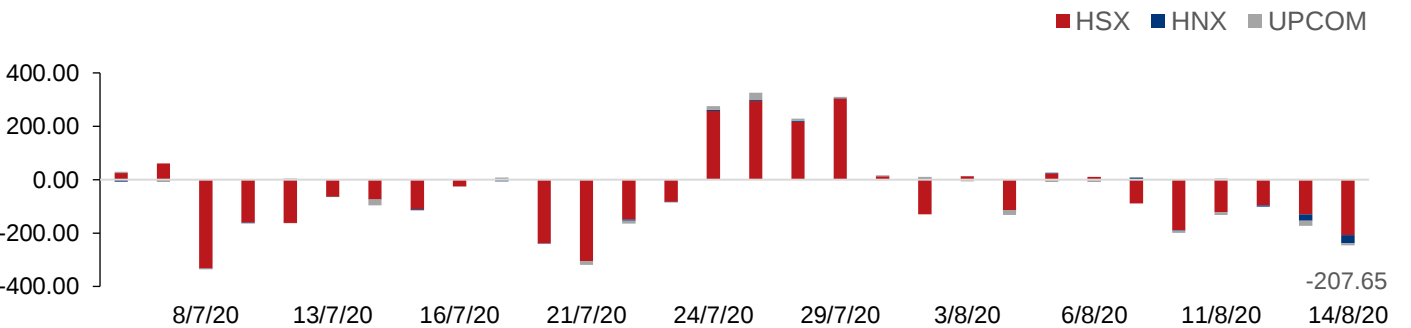
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.30	-0.78	-0.33	6.68MLN
SHB	12.50	-1.57	-0.29	3.43MLN
OCH	7.30	-8.75	-0.07	100
PVS	12.10	-1.63	-0.05	3.41MLN
HUT	2.10	-4.55	-0.03	4.36MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	16.7	0.01	606500
HMH	9.90	10.0	0.01	100
KVC	1.10	10.0	0.01	927200
SPI	1.10	10.0	0.00	154000
API	11.10	9.9	0.01	18600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNT	55.80	-10.00	-0.02	100
TST	8.20	-9.89	0.00	100
VTL	18.50	-9.76	0.00	100
HEV	9.70	-9.35	0.00	100
VC1	7.80	-9.30	0.00	1800

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.5	3,321	8.0	1.3	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	21.4	4,126	5.2	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.7	9,642	4.9	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	53.4	3,255	16.4	2.7	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	32.6	4,666	7.0	1.3	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.2	1,767	6.3	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.0	5,479	7.8	2.1	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.6	1,902	14.5	2.3	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.1	2,632	9.2	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	19.8	3,103	6.4	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	56.5	4,629	12.2	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	132.5	5,718	23.2	8.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	9.7	1,672	5.8	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	17.6	1,721	10.2	1.0	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	21.5	7,132	3.0	1.2	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	22.0	5,227	4.2	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	42.5	4,761	8.9	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	82.0	4,915	16.7	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.3	3,750	6.7	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	36.8	5,465	6.7	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.0	5,877	9.2	2.5	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	47.8	4,280	11.2	2.5	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	20.7	1,377	15.0	1.0	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.4	1,242	10.8	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	185.0	6,328	29.2	6.4	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.6	2,041	12.0	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	116.7	5,538	21.1	6.7	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	83.1	8,348	10.0	2.6	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	16.2	2,048	7.9	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	96.0	5,044	19.0	3.9	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	10.6	2,007	5.3	0.7	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	56.5	4,629	12.2	2.7	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	31.0	4,313	7.2	1.4	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	215.5	14,782	14.6	5.9	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/19	14.7	18.9	10.4	0	18.7	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/19	11.4	N/a	9.1	1,671	5.4	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/19	20.0	29.1	18.8	2,178	8.6	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/19	31.4	N/a	26.9	-218	#N/A N/A	2.8	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/19	37.0	N/a	32.5	2,986	10.9	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
2	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
6	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
7	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
9	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
10	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
11	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
14	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
15	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
21	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
22	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
24	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
27	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
31	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
33	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
35	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
37	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
39	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	x		Click

BSC



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

- 

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...
- 

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.
- 

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.
- 

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express KBC 2020Q2	6/29/20	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn